

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13/2021/DS-PT

Ngày 18-01-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự về hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 133/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Thông báo dời phiên tòa số 01/TB-TA ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị C

Địa chỉ: Số 83A, khu vực T1, phường L, quận C1, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L1, xã L2, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L1, xã L2, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Vào năm 2017 bà có tham gia chơi hụi do bà Huỳnh Thị T làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi ngày 20/3/2017 (âl) hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 24 phần, bà tham gia 02 phần, trong sổ hụi ghi tên Mỹ L3, bà đóng được 14 lần với số tiền 48.440.000 đồng x 02 phần = 96.880.000 đồng. Theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng 140.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 10/11/2017 (âl) hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 22 phần, bà tham gia 01 phần, trong sổ hụi ghi tên Mỹ L3, bà đóng được 5 lần hụi sống với số tiền 18.050.000 đồng. Theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng 25.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 10/11/2017 (âl) hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi có 30 phần, bà tham gia 01 phần, trong sổ hụi ghi tên Mỹ L3, bà đóng được 06 lần với số tiền 8.160.000 đồng. Theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà đóng là 123.090.000 đồng. Tuy nhiên theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng 177.000.000 đồng, bà T đã trả cho bà được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 147.000.000 đồng. Nay bà C yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 88.590.000 đồng.

Đối với giấy chuyển tiền ngày 04/6/2018 số tiền 50.000.000 đồng bà T chuyển cho bà là dây hụi mùa mần vào đầu năm 2018 không liên quan đến dây hụi bà khởi kiện; Giấy chuyển tiền ngày 05/3/2019 số tiền 30.000.000 đồng bà T chuyển cho bà là dây hụi ngày 20/3/2017 âm lịch.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà Huỳnh Thị C có tham gia các dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi ngày 20/3/2017 (âl) hụi 5.000.000 đồng/ tháng, hụi có 27 phần, bà C tham gia 02 phần, trong sổ hụi ghi tên Mỹ L3, bà C đóng được 14 lần với số 96.880.000 đồng sau đó bà C ngưng đóng hụi, bà đã chuyển khoản cho bà C 30.000.000 đồng, bà H mẹ bà C nhận trực tiếp 25.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 10/11/2017 (âl) hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 22 phần, bà C tham gia 01 phần, trong sổ hụi ghi tên Mỹ L3, bà C đóng được 05 lần số tiền 18.050.000 đồng, sau đó bà C ngưng đóng, số tiền này bà đã trả cho bà H là mẹ bà C nhận.

- Dây hụi ngày 10/11/2017 (âl) hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi có 30 phần, bà C tham gia 01 phần, trong sổ hụi ghi tên Mỹ L3, bà C đóng được 06 lần số tiền 8.160.000 đồng sau đó ngưng đóng, số tiền này bà đã trả cho bà H là mẹ bà C nhận.

Tổng số tiền bà C đóng thực tế là 123.090.000 đồng nhưng bà đã trả hết cho bà C cụ thể như sau. Lần 01 vào ngày 04/6/2018 chuyển 50.000.000 đồng, lần 2

vào ngày 05/3/2019 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 30/10/2018 bà H mẹ bà C nhận 25.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H nhận và có ký tên nhưng không ghi ngày tháng. Bà xác định không còn nợ bà C nên không đồng ý theo yêu cầu của bà C.

Tại văn bản ngày 11/6/2020 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà là mẹ của bà C, số tiền 25.000.000 đồng trong biên nhận đã ghi là đúng, bà đã nhận đủ 25.000.000 đồng, tuy nhiên bà không có ký tên vào biên nhận, nhưng đây là số tiền của dây hui mùa không liên quan đến những dây hui do bà C khởi kiện. Đối với danh sách số tiền nhận từng lần của các dây hui do bà T cung cấp, bà không có nhận và cũng không có ký tên vào, bà không yêu cầu giám định chữ ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị C số tiền hui còn nợ là 88.590.000 đồng (*tám mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả, các quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà đã trả hết số tiền là 88.590.000 đồng cho bà C, nay bà không đồng ý trả tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: bà có tham gia hui do bà T làm chủ, cụ thể hui mùa mở năm 2015, có 18 phần, 03 tháng khui hui 01 lần, bà tham gia 01 phần, hiện dây hui này đã mãn, bà đã đóng tới khi mãn hui, dây hui này bà không khởi kiện, bà cho rằng bà T có chuyển tiền vào tài khoản của bà 02 lần cụ thể: Lần 01 là trước ngày 18/4/2018 âm lịch bà nhận hui Mùa do bà T giao là 50 triệu đồng, sau ngày này bà không nhận thêm khoản tiền nào, đến tháng 3/2019 bà nhận thêm 30 triệu đồng do bà T chuyển tiền là của các dây hui tháng.

Bị đơn thừa nhận bà C có tham gia hui do bà làm chủ trong đó có hui Mùa mở tháng 8/2015 (al), hui có 18 phần, bà C tham gia 01 phần, hui 03 tháng khui một lần, hui mãn vào tháng 10/2019 (al) bà C không khởi kiện bà dây hui này, đối với 03 dây hui tháng bà còn nợ bà C 123 triệu đồng lần lượt các dây hui như cấp sơ thẩm đã làm rõ, bà có chuyển tiền cho bà C hai lần vào năm 2018 chuyển 50 triệu đồng và năm 2019 chuyển 30 triệu đồng là tiền bà chuyển trả cho những dây hui tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả cho bà số tiền 88.590.000 đồng mà bà đã đóng tiền hui cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui” là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Các bên đương sự thống nhất với nhau về số chân hui, số tiền hui đã đóng và số tiền chốt hui, cụ thể là dây hui ngày 20/3/2017 (âl) hui 5.000.000 đồng/tháng, hui có 24 phần, bà C tham gia 02 phần, tổng số tiền đã đóng là 96.880.000 đồng; dây hui ngày 10/11/2017 (âl) hui 5.000.000 đồng/tháng, hui có 22 phần, bà C tham gia 01 phần, bà đóng được 5 lần hui sống với số tiền 18.050.000 đồng và dây hui ngày 10/11/2017 (âl) hui 2.000.000 đồng/tháng, hui có 30 phần, bà C tham gia 01 phần, bà đóng được 06 lần với số tiền 8.160.000 đồng. Tổng số tiền nợ hui bà T và bà C thống nhất là 123.000.000 đồng, tuy nhiên bà C cho rằng bà có nhận 30 triệu đồng do bà T chuyển trả tiền vào năm 2019, bà T còn phải trả cho bà 93 triệu đồng, nhưng bà C chỉ yêu cầu bà T trả cho bà số tiền còn lại là 88.590.000 đồng đã trừ 30 triệu đồng theo giấy chuyển tiền ngày 05/3/2019, do vậy Hội đồng xét xử chỉ xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền là 88.590.000 đồng.

[3.2] Hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền nợ hui và tiền phải trả. Tuy nhiên, hai bên chỉ không thống nhất với giấy chuyển tiền ngày 04/6/2018 (bút lục 18) số tiền 50 triệu đồng, bị đơn thì cho rằng 50 triệu đồng là bà chuyển trả cho nguyên đơn tiền của 03 dây hui tháng, nguyên đơn cho rằng 50 triệu đồng bà nhận của bị đơn là tiền bị đơn trả cho bà là dây hui Mùa. Đối Cếu với thời gian các bên tham gia hui và ý kiến trình bày của hai bên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng nhận 50 triệu đồng do bị đơn chuyển là của dây hui Mùa được mở vào tháng 8/2015 có 18 phần, hui 03 tháng khai một

lần và bà đã đóng tiền đến khi mãn hạn, đây hạn Mùa đã mãn trước tháng 5/2018 âm lịch, đối Cáo với thời gian thì đây hạn Mùa sẽ mãn vào tháng 10 năm 2019 chứ không phải năm 2018 như nguyên đơn trình bày. Như vậy, đây hạn Mùa mãn vào năm 2019, thì không có căn cứ nào cho rằng vào ngày 04/6/2018 bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn 50 triệu đồng là của đây hạn Mùa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày bà nhận được 50 triệu đồng do bà T chuyển trả tiền hạn Mùa vào trước ngày 18/4/2018 âm lịch, sau ngày này bà không nhận được khoản tiền nào nữa. Tuy nhiên, đối Cáo với chứng cứ do bị đơn cung cấp là giấy chuyển tiền 50 triệu đồng qua Ngân hàng Kiên Long của bị đơn là ngày 04/6/2018 tức ngày 21/04/2018 âm lịch, việc này phù hợp với thời gian ngừng hạn của nguyên đơn đối với các đây hạn tháng.

[3.3] Do vậy, có căn cứ cho rằng giấy chuyển tiền ngày 04/6/2018 số tiền 50 triệu đồng mà bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn qua Ngân hàng Kiên Long là tiền của 03 đây hạn tháng, chứ không phải hạn Mùa như nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi tiền nợ hạn Mùa thành một vụ án khác, nếu thấy quyền lợi của mình chưa được đảm bảo.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T là có căn cứ chấp nhận một phần, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hạn, hiệu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị T.

Sửa bản án sơ thẩm số 133/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C.
2. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị C số tiền hạn còn nợ là 38.590.000 đồng (*Ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

3. Kể từ ngày bà Huỳnh Thị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Thị T phải chịu là 1.929.500đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C phải chịu 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), chuyển 2.215.000 đồng (*Hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0000271 ngày 11/02/2020 của C cục Thi hành án dân sự thị xã L thành án phí. Bà C còn phải nộp thêm 285.000đồng (*Hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu, bà Huỳnh Thị T được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005004 ngày 22/9/2020 tại C cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 18 tháng 01 năm 2021.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Luông – Nguyễn Đình Tiến

Trịnh Thị Bích Hạnh